TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2024/DS-ST
Ngày: 17-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phước Nhiều

2. Bà Đỗ Thị Kim Nhàn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bế Thị Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:** Bà Nguyễn Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1013/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1382/2024/QĐXXST- DS ngày 26 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3411/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S
Địa chỉ: 2 N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lã Ngọc M; địa chỉ liên hệ: Lầu E, số B N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 16/6/2023).
(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Lê Thị Thùy D
Địa chỉ: C L, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện và lời khai Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S do ông Lã Ngọc M là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 12/12/2018, bà Lê Thị Thùy D có ký với Ngân hàng TMCP S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của bà D, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân cho bà D.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 47.935.762 đồng.Trong quá trình sử dụng thẻ, bà D có thực hiện việc thanh toán cho Ngân hàng nhưng vẫn còn nợ lại số tiền nợ gốc là 23.520.177 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà D vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà D vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 23/8/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà D và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Tính đến ngày 15/6/2023, bà D còn nợ tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi là 43.761.489 đồng.

Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Thùy D phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 23/02/204 theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 12/12/2018 là 51.497.217 đồng, trong đó bao gồm: nợ gốc là 23.520.177 đồng; lãi quá hạn là 27.977.040 đồng. Tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 24/02/2024 cho đến khi thanh toán dứt nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

** Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo giao nộp chứng cứ, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Lê Thị Thùy D nhưng bà Lê Thị Thùy D đều không có mặt tại Tòa án để có ý kiến hoặc nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và nộp các tài liệu chứng cứ kèm theo. Đồng thời vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng.*

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lã Ngọc M có đơn xin xét xử vắng, có bản trình bày ý kiến vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà Lê Thị Thùy D phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số nợ còn thiếu của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký bao gồm vốn gốc, lãi quá hạn đến ngày 17/4/2024 là 53.148.321 đồng, trong đó nợ gốc 23.520.177 đồng, lãi quá hạn 29.628.144 đồng. Và yêu cầu trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Tiền lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 18/4/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn bà Lê Thị Thùy D đã được được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng*

xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 không có kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ngân hàng thương mại cổ phần S có đơn khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Thùy D thanh toán số tiền gốc, lãi còn nợ của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã được ký kết giữa hai bên. Do vậy xác định đây là vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng". Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bà Lê Thị Thùy D có hộ khẩu thường trú tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 3 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét: Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, trong đó có Thông báo yêu cầu giao nộp chứng cứ nhưng vẫn không có mặt để giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[4] Xét: Lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Ngày 12/12/2018, nguyên đơn và bị đơn có ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng kèm Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng thương mại cổ phần S;

Theo đó nguyên đơn cấp cho bị đơn thẻ tín dụng là loại thẻ cá nhân tín chấp có hạn mức 20.000.000 đồng; ngoài ra, văn bản này còn có các nội dung về quyền, nghĩa vụ của các bên. Quá trình sử dụng thẻ, bị đơn chậm thanh toán nên nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, hiện bị đơn còn nợ gốc là 23.520.177 đồng và lãi phát sinh.

[5] Xét: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 12/12/2018 kèm Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng thương mại cổ phần S là hợp đồng sử dụng thẻ giữa chủ thẻ là bà Lê Thị Thùy D và tổ chức phát hành thẻ là Ngân hàng thương mại cổ phần S. Hợp đồng này có mục đích, hình thức và nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và quy định về hoạt động ngân hàng của Ngân hàng thương mại, về lãi suất trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, về chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ được quy định tại Điều 91, Điều 95, điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 Quy định về hoạt động thẻ ngân hàng nên có hiệu lực.

[6] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo phiên họp, thông báo hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà D vẫn không có mặt để giải quyết vụ án, mặc nhiên từ bỏ quyền lợi của chính mình, đồng thời phải chịu mọi hậu quả đối với việc vắng mặt này; Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được thỏa thuận tại Điều 23 của hợp đồng sử dụng thẻ, nên có nghĩa vụ trả các khoản phí, nợ gốc và lãi phát sinh theo quy định tại Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 17 Thông tư 19/2016/TT-NHNN nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S về việc bà D phải trả tiền nợ gốc 23.520.177 là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (17/4/2024): Nguyên đơn tính lãi trên tiền nợ vay theo mức lãi suất quá hạn 3.9%/tháng (2.6%/tháng x 150%) đối với dư nợ thẻ từ ngày 22/8/2021 đến nay, theo các văn bản thông báo điều chỉnh lãi suất thẻ tín dụng đã được nguyên đơn phát hành là phù hợp quy định của pháp luật. Vì vậy, tiền lãi tính đến ngày xét xử (17/4/2024) mà bị đơn phải trả theo yêu cầu của nguyên đơn là 29.628.144 đồng.

[8] Từ những phân tích trên, cần tuyên theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ gốc: 23.520.177 đồng và lãi quá hạn: 29.628.144 đồng, tổng cộng là 53.148.132 đồng.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận; Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 203, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91, Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Luật thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Buộc bà Lê Thị Thùy D trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S các khoản tiền còn nợ của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng kèm Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng thương mại cổ phần S) mà hai bên đã ký kết, gồm: Nợ gốc: 23.520.177 đồng và lãi quá hạn tính đến xét xử (ngày 17/4/2024): 29.628.144 đồng, tổng cộng là 53.148.321 đồng. Trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Lê Thị Thùy D còn phải tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Các bên thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Thùy D phải chịu 2.657.416 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S 1.094.037 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0044661 ngày 11/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.1;
- CCTHADS Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Phương